

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 4 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Trọng Toàn;

Ông Huỳnh Văn Cang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị D; Cư trú tại: Ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lý Hùng D; Cư trú tại: Ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006, chị D và anh D tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T vào ngày 24/9/2009. Sau khi kết hôn chị D và anh D sống tại ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 10 tháng 12 năm 2017, chị D và anh D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung với nhau từ ngày 10/12/2017 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung tên Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013, các con đang sống chung với chị D.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Chị Lâm Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị D được ly hôn với anh Lý Hùng D.
- Về con chung: Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013 đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 6 năm 2021 của bị đơn anh Lý Hùng D trình bày:

Anh D và chị D có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, anh chị có hai con chung đúng như chị D trình bày; Tài sản chung tự thỏa thuận; Nợ chung không có. Chị D xin ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn nhưng phải cho anh D gặp chị D để bàn bạc một lần rồi ly hôn; Về con chung tên Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013 nguyện vọng các con muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu sống với anh D thì anh D nuôi, anh D không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, nếu các con sống với chị D thì anh D không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị D và anh D sống chung có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 12/2017 anh chị không còn sống chung cho đến nay; Về con chung tên Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013, đang sống chung với chị D, tiếp tục giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lâm Thị D và anh Lý Hùng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 120 ngày 24 tháng 9 năm 2009. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị D và anh D chung sống với nhau có 02 người con chung. Tuy nhiên, đến tháng 12/2017 chị D và anh D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai của anh D thì anh D cũng đồng ý ly hôn, nhưng anh D yêu cầu được gặp chị D một lần rồi ly hôn, nhưng khi Tòa án triệu tập anh D để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ thì anh D không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, cho thấy anh D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh D cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh D có 02 con chung tên Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013, hiện nay các con đang sống chung với chị D, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn chung sống với nhau thì cháu S và cháu V sống chung với chị D, chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, nên về mặt tình cảm thì cháu S và cháu V gắn bó

và yêu mến chị D nhiều hơn anh D, Tòa án có ghi ý kiến cháu S và cháu V, 02 cháu có nguyện vọng sống chung với chị D, điều kiện chăm sóc của chị D thuận lợi hơn anh D, nhằm ổn định cuộc sống cho cháu S và cháu V về mặt vật chất cũng như tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013 cho chị D nuôi dưỡng đến khi cháu S và cháu V đủ 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lâm Thị D và anh Lý Hùng D.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung Lý Thị Hồng S, sinh ngày 04/8/2007 và Lý Hùng V, sinh ngày 04/02/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu S và cháu V đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lâm Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh